TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH ĐẠI – TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 04 – 01 -2019
V/v tranh chấp: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE

-***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Tuấn Khanh

Ông Lê Văn Đức

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Hoàng Nhân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre *tham gia phiên toà:*

Bà Trần Thị Kim Ngân -Kiểm sát viên

Ngày 04 tháng 01 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 314/2018/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2018 về tranh chấp hôn nhân và gia đình: "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 218/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2018, Quyết định hoãn phiên Tòa số: 135/2018/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Võ Thị Mỹ C, sinh năm: 1982 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 8A, xã A, huyện C, tỉnh T.

- *Bị đơn:* Lê Quốc D, sinh năm: 1973 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 1, xã T, huyện B, tỉnh BT.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn xin ly hôn đề ngày 07/5/2018 và bản tự khai ngày 16/8/2018, nguyên đơn chị Võ Thị Mỹ C trình bày:

Chị và anh Lê Quốc D kết hôn năm 2003, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh T. Quá trình chung sống hạnh phúc đến tháng 01 năm 2006 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh D thường xuyên uống rượu, chưởi bới, đánh đập vợ con, bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Chị và anh D ly thân từ tháng 01 năm 2006 đến nay, cả hai sống riêng không có hàn gắn lại tình cảm. Quá trình chung sống chị với anh D có với nhau 01 con chung Lê Quốc T, sinh ngày: 21/11/2003 chị đang nuôi dưỡng. Tài sản chung và nợ chung: Không có.

Chị Võ Thị Mỹ C khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Được ly hôn với anh Lê Quốc D.

- Về con chung: Chị C yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

-Tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị C có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt đề ngày 16/8/2018.

*Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên Tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã xác định đúng quan hệ tranh chấp, thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên, Thẩm phán vẫn còn vi phạm là gởi Thông báo thụ lý vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại chưa đúng thời gian quy định tại khoản 1 Điều 196 của Bộ luật tố tụng dân sự cần rút kinh nghiệm trong thời gian tới. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về

việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn trong vụ án đã chấp hành đúng và thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của Bộ luật tố tụng dân sự quy định, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên xét xử vắng mặt. Riêng bị đơn anh D các lần hòa giải, xét xử đều vắng mặt không lý do là chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt anh D là phù hợp, đúng quy định. Về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Võ Thị Mỹ C. Con chung để chị C được tiếp tục nuôi dưỡng. Ghi nhận chị C không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung.Tài sản chung, nợ chung: Chị C khai không có nên không đặt vấn đề xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Chị Võ Thị Mỹ C có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt đề ngày 16/8/2018. Anh Lê Quốc D đã được Tòa án nhân dân huyện Bình Đại tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, được Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, được triệu tập hợp lệ đến Tòa án để hòa giải, xét xử đến lần thứ 2 nhưng anh D vẫn vắng mặt. Tại văn bản đề ngày 19/3/2018, công an xã Thới Lai xác nhận bị đơn anh D vẫn còn sinh sống tại địa phương. Căn cứ khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị C, anh D là phù hợp, đúng quy định pháp luật.

[**2] Về nội dung vụ án:**

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Võ Thị Mỹ C và anh Lê Quốc D kết hôn năm 2003, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh T phù hợp quy định của pháp luật nên

được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn cả hai chung sống hạnh phúc đến tháng 01 năm 2006 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân theo chị C trình bày là do anh D thường xuyên uống rượu, chưởi bới, đánh đập vợ con, bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Chị C và anh D ly thân từ tháng 01 năm 2006 đến nay, cả hai sống riêng không có hàn gắn lại tình cảm. Điều đó chứng tỏ hôn nhân giữa chị C và anh D đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Anh D cũng không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu ly hôn của chị C. Chị C vẫn giữ yêu cầu được ly hôn với anh D. Xét thấy, yêu cầu ly hôn của chị C đối với anh D là có căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung:

Chị C khai chị và anh D chung sống có với nhau 01 con chung tên Lê Quốc T, sinh ngày: 21/11/2003 hiện chị C đang nuôi dưỡng. Đơn khởi kiện, bản tự khai chị C yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Các lần mời giải quyết vụ án tại Tòa án và xét xử sơ thẩm, anh D đều vắng mặt không có lý do, không có ý kiến phản hồi về việc nuôi con chung. Chị C yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung là phù hợp quy định pháp luật, phù hợp với nguyện vọng của con chung trên 07 tuổi và hoàn toàn có căn cứ theo Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Chị C nuôi dưỡng con chung không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy đây là sự tự nguyện của chị C nên Hội đồng xét xử ghi nhận, không xem xét giải quyết là phù hợp.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Đơn khởi kiện và bản tự khai, chị C khai không có nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[2.4] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ

Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, chị Võ Thị Mỹ C phải chịu theo luật định là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 điểm a, b, khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228, Điều 233, 238; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của chị Võ Thị Mỹ C.

2. Chị Võ Thị Mỹ C được ly hôn với anh Lê Quốc D.

3. Về con chung: Chị Võ Thị Mỹ C được tiếp tục nuôi dưỡng con chung Lê Quốc T, sinh ngày: 21/11/2003. Ghi nhận chị C không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung.

Trong thời gian con chung của chị C và anh D chưa thành niên (Chưa đủ 18 tuổi), chị C có quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, anh D có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung. Anh D không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

4.Tài sản chung, nợ chung: Chị Võ Thị Mỹ C khai không có nên Hội đồng xét xử không xét đến.

5. Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Chị Võ Thị Mỹ C phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo

biên lai số 0018051 ngày 11/7/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre, chị C đã nộp đủ án phí.

Chị Võ Thị Mỹ C, anh Lê Quốc D có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Bến Tre;
(Phòng Kiểm tra nghiệp vụ và THA)
-VKSND huyện Bình Đại;
-Chi cục THA dân sự huyện Bình Đại;
-UBND xã An Trường, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh (Số 04/2003 ngày 08/01/2003);
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Hồng Phương